

Số: /TB-UBND

Yên Châu, ngày

tháng 11 năm 2024

## THÔNG BÁO

### **Tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu năm 2024**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06/9/2024 của Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đề án quản lý biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND cấp tỉnh, cấp huyện; số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội đặc thù và cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2023 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao bổ sung số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ngành giáo dục và đào tạo chưa tự đảm bảo chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2355/QĐ-SNV ngày 25/4/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về việc giao cơ cấu ngạch, mã số, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu;

Căn cứ Kế hoạch số 346/KH-UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện Yên Châu về việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 4695/QĐ-SNV ngày 20/11/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Sơn La về phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục công lập thuộc huyện Yên Châu năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu thông báo tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp Giáo dục công lập thuộc huyện Yên Châu năm 2024, như sau:

## **I. SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CẦN TUYỂN DỤNG THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

**1. Tổng số chỉ tiêu tuyển dụng viên chức: 68** chỉ tiêu, trong đó:

- Chỉ tiêu cử tuyển: **Không**.

- Chỉ tiêu cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số: **Không**.

- Chỉ tiêu tuyển dụng ngoài cử tuyển: **68** chỉ tiêu, cụ thể:

+ Giáo viên Mầm non hạng III (mã số chức danh nghề nghiệp V.07.02.26): **24** chỉ tiêu.

+ Giáo viên Tiểu học hạng III (mã số chức danh nghề nghiệp V.07.03.29): **20** chỉ tiêu (Giáo viên Văn hóa 13, giáo viên Tiếng Anh 03, giáo viên Tin học 04).

+ Giáo viên Trung học cơ sở hạng III (mã số chức danh nghề nghiệp V.07.04.32): **22** chỉ tiêu (Giáo viên Toán 07, giáo viên Ngữ văn 04, giáo viên Vật lý 02, giáo viên Tiếng Anh 01, giáo viên Giáo dục công dân 01, giáo viên Sinh học 01, giáo viên Lịch sử 02, giáo viên Địa lý 01, Giáo viên Tin học 03).

+ Kế toán viên hạng III (mã số chức danh nghề nghiệp V.06.031): **02** chỉ tiêu

| TT       | Vị trí việc làm cần tuyển dụng/<br>Hạng chức danh nghề nghiệp       | Mã số chức danh nghề nghiệp | Chỉ tiêu tuyển dụng |                          | Đơn vị tuyển dụng                        | Ghi chú |
|----------|---|-----------------------------|---------------------|--------------------------|--|---------|
|          |   |                             | Tổng                | Chia ra                  |  |         |
|          | <b>TỔNG SỐ</b>  |                             | <b>68</b>           | <b>68</b>                |  |         |
| 1        | <b>Giáo viên Mầm non hạng III</b>                                   | <b>V.07.02.26</b>           | <b>24</b>           | 02                       | Trường Mầm non Ánh Sao, xã Chiềng Păn    |         |
|          |   |                             |                     | 01                       | Trường Mầm non Hoa Ban, xã Chiềng On     |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Mầm non Hoa Đào, xã Chiềng Tương  |         |
|          |   |                             |                     | 03                       | Trường Mầm non Hoa Hồng, xã Yên Sơn      |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Mầm non Hoa Huệ, xã Phiêng Khoài  |         |
|          |   |                             |                     | 01                       | Trường Mầm non Hoa Mai, xã Phiêng Khoài  |         |
|          |   |                             |                     | 01                       | Trường Mầm non Hòa Bình, xã Sấp Vạt      |         |
|          |   |                             |                     | 01                       | Trường Mầm non Họa Mi, xã Chiềng Sàng    |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Mầm non Tuổi Thơ, xã Chiềng Khoi  |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Mầm non Hương Xoài, xã Chiềng Hặc |         |
|          |   |                             |                     | 03                       | Trường Mầm non Sơn Ca, xã Lóng Phiêng    |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Mầm non Sao Mai, xã Tú Nang       |         |
|          |   |                             | 02                  | Trường Mầm non Thủy Tiên |  |         |
| <b>2</b> | <b>Giáo viên Tiểu học hạng III – Mã số V.07.03.29 – 20 chỉ tiêu</b> |                             |                     |                          |  |         |
| 2.1      | Giáo viên Văn hóa   | V.07.03.29                  | <b>13</b>           | 01                       | Trường Tiểu học Chiềng On                |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Tiểu học Nà Cài                   |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Tiểu học Lóng Phiêng A            |         |
|          |   |                             |                     | 01                       | Trường Tiểu học Lóng Phiêng B            |         |
|          |   |                             |                     | 02                       | Trường Tiểu học Tú Nang                  |         |

| TT       | Vị trí việc làm cần tuyển dụng/<br>Hạng chức danh nghề nghiệp              | Mã số chức danh nghề nghiệp | Chỉ tiêu tuyển dụng |         | Đơn vị tuyển dụng                  | Ghi chú |
|----------|--|-----------------------------|---------------------|---------|------------------------------------|---------|
|          |  |                             | Tổng                | Chia ra |                                    |         |
|          |  |                             |                     | 02      | Trường Tiểu học Chiềng Tương       |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Chiềng Sàng         |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Sập Vạt             |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Mường Lựm           |         |
| 2.2      | Giáo viên Tiếng Anh  | V.07.03.29                  | 03                  | 01      | Trường Tiểu học Chiềng Đông B      |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường Tiểu học Lao Khô            |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường Tiểu học Chiềng Tương       |         |
| 2.3      | Giáo viên Tin học  | V.07.03.29                  | 04                  | 01      | Trường Tiểu học Chiềng Đông B      |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường Tiểu học Lóng Phiêng B      |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Tà Làng             |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Mường Lựm           |         |
| <b>3</b> | <b>Giáo viên Trung học cơ sở hạng III – Mã số V.07.04.32 – 22 chỉ tiêu</b> |                             |                     |         |                                    |         |
| 3.1      | Giáo viên Toán   | V.07.04.32                  | 07                  | 01      | Trường PTDTBT THCS Chiềng On       |         |
|          |  |                             |                     | 02      | Trường Trung học cơ sở Lóng Phiêng |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường Trung học cơ sở Tú Nang     |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường Trung học cơ sở Thị Trấn    |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Chiềng Păn          |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Đông Bâu            |         |
| 3.2      | Giáo viên Ngữ văn  | V.07.04.32                  | 04                  | 01      | Trường Trung học cơ sở Chiềng Đông |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường Trung học cơ sở Tú Nang     |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Chiềng Khoi         |         |
|          |  |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Yên Sơn             |         |

| TT  | Vị trí việc làm cần tuyển dụng/<br>Hạng chức danh nghề nghiệp | Mã số chức danh nghề nghiệp | Chỉ tiêu tuyển dụng |         | Đơn vị tuyển dụng               | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------------|---------------------|---------|---------------------------------|---------|
|     |   |                             | Tổng                | Chia ra |                                 |         |
| 3.3 | Giáo viên Vật lý  | V.07.04.32                  | 02                  | 01      | Trường THCS Phiêng Khoài        |         |
|     |   |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Liên Chung       |         |
| 3.4 | Giáo viên Tiếng Anh   | V.07.04.32                  | 01                  | 01      | Trường THCS Phiêng Khoài        |         |
| 3.5 | Giáo viên Giáo dục công dân                                   | V.07.04.32                  | 01                  | 01      | Trường TH-THCS Mường Lựm        |         |
| 3.6 | Giáo viên Sinh học  | V.07.04.32                  | 01                  | 01      | Trường TH-THCS Tà Làng          |         |
| 3.7 | Giáo viên Lịch sử   | V.07.04.32                  | 02                  | 01      | Trường PTDTBT THCS Chiềng On    |         |
|     |   |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Chiềng Sàng      |         |
| 3.8 | Giáo viên Địa lý  | V.07.04.32                  | 01                  | 01      | Trường PTDTBT THCS Chiềng Tương |         |
| 3.9 | Giáo viên Tin học   | V.07.04.32                  | 03                  | 01      | Trường PTDTBT THCS Chiềng On    |         |
|     |   |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Chiềng Khoi      |         |
|     |   |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Yên Sơn          |         |
| 4   | <b>Viên chức khác</b>   |                             | 02                  |         |                                 |         |
|     | Kế toán viên hạng III   | V.06.031                    | 02                  | 01      | Trường TH-THCS Chiềng Sàng      |         |
|     |   |                             |                     | 01      | Trường TH-THCS Mường Lựm        |         |

**2. Vị trí việc làm được đăng ký 02 nguyện vọng:** không có.

## II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức năm 2010, cụ thể như sau:

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;

- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

**2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:**

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

**3. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ, cụ thể như sau:

**a) Đối tượng và điểm ưu tiên**

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng **7,5 điểm** vào kết quả điểm vòng 2.

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng **5 điểm** vào kết quả điểm vòng 2.

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng **2,5 điểm** vào kết quả điểm vòng 2.

- Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng **1,5 điểm** vào kết quả vòng 2.

**b)** Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại điểm 3.1 mục 3 thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

**III. TIÊU CHUẨN VỀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

**1. Vị trí việc làm giáo viên Mầm non hạng III - Mã số V.07.02.26:** Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên.

**2. Vị trí việc làm giáo viên tiểu học hạng III - Mã số V.07.03.29**

Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học. Trường hợp người đăng ký dự tuyển không có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cụ thể:

- Giáo viên văn hóa: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Giáo dục Tiểu học hoặc Sư phạm Tiểu học.

- Giáo viên tiếng Anh: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh hoặc chuyên ngành phù hợp (*tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh*).

- Giáo viên Tin học: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành: Sư phạm Tin học, Sư phạm Toán - Tin, Sư phạm Lý - Tin, Sư phạm Công nghệ thông tin, hoặc chuyên ngành phù hợp (*Tin học, Kỹ thuật Tin học, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Robot và trí tuệ nhân tạo*).

### **3. Vị trí việc làm giáo viên THCS hạng III - Mã số V.07.04.32**

Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở. Trường hợp người đăng ký dự tuyển không có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, cụ thể:

- Giáo viên Toán: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Toán học, Toán - Tin, Toán - Lý, hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Toán học, Toán ứng dụng, Toán - Tin, Toán cơ*).

- Giáo viên Ngữ văn: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Văn học, Sư phạm Ngữ văn - Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn - Giáo dục công dân, Sư phạm Ngữ văn - Địa lí, Sư phạm Ngữ văn - Công tác Đoàn, ... hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Ngữ văn, Văn học, Ngữ văn - Lịch sử, Ngữ văn - Địa lí*).

- Giáo viên Vật lý: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Vật lý, Sư phạm Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp, Sư phạm Vật lý - Hóa học, hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Vật lý, Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp, Vật lý - Hóa học*).

- Giáo viên tiếng Anh: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành: Sư phạm tiếng Anh hoặc chuyên ngành phù hợp (*tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh*).

- Giáo viên Giáo dục Công dân: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Giáo dục Công dân, Sư phạm Giáo dục chính trị, Sư phạm Giáo dục Công dân - Địa lý; Sư phạm Hóa - Giáo dục Công dân, Sư phạm Ngữ văn - Giáo dục Công dân, Sư phạm Giáo dục Công dân - Đoàn đội, Tâm lý học, hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Luật Dân sự, Luật Kinh tế*).

- Giáo viên Sinh học: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Sinh học, Sư phạm Sinh học - Hóa học, Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp; Sư phạm Sinh - Địa, hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Sinh học, Sinh học - Hóa học, Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp; Sinh - Địa*).

- Giáo viên Lịch sử: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn - Lịch sử, Sư phạm Lịch sử - Giáo dục Công dân, Sư phạm Lịch sử - Địa lý,... hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Lịch sử, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử - Địa lý*).

- Giáo viên Địa lý: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, chuyên ngành: Sư phạm Địa lý, Sư phạm Địa lý - Lịch sử, Sư phạm Địa lý - Giáo dục Công dân, Sư phạm Lịch sử - Địa lý,... hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành phù hợp (*Địa lý, Địa lý - Lịch sử, Địa lý - Giáo dục Công dân, Địa lý kinh tế và phát triển vùng, Địa lý môi trường, Địa lý dân số và xã hội*).

- Giáo viên Tin học: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành: Sư phạm Tin học, Sư phạm Toán - Tin, Sư phạm Lý - Tin, Sư phạm Công nghệ thông tin, hoặc chuyên ngành phù hợp (*Tin học, Kỹ thuật Tin học, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Robot và trí tuệ nhân tạo*).

#### **4. Vị trí việc làm Kế toán viên hạng III - Mã số V.06.031**

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành: kế toán, kiểm toán, tài chính.

### **IV. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, THỜI HẠN VÀ ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

#### **1. Phiếu đăng ký dự tuyển**

- Người đăng ký dự tuyển nộp trực tuyến 01 Phiếu đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại một đơn vị theo Mẫu số 01 quy định tại Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ tại địa chỉ <https://dichvucong.sonla.gov.vn/vi/trangchu>; trường hợp không thể nộp trực tuyến, người đăng ký dự tuyển trực tiếp đến địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển để được hỗ trợ hoặc gửi theo đường bưu chính 01 Phiếu đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại một đơn vị, người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu đăng ký dự tuyển (*trường hợp nộp theo đường bưu chính, thời gian tính theo ngày Phiếu dự tuyển đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Yên Châu*).

**Lưu ý:** khi đăng ký dự tuyển, người đăng ký dự tuyển phải ghi rõ các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc, tin học, chứng chỉ bồi dưỡng hạng chức danh nghề nghiệp đã có trong phiếu đăng ký dự tuyển.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, bao gồm: Bản sao



văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có). Phiếu lý lịch tư pháp số 1 do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Ủy ban nhân dân huyện thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của huyện và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

## **2. Thời hạn, địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; số điện thoại của bộ phận được phân công tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển**

- Thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: **từ ngày 25/11/2024 đến 17h30' ngày 24/12/2024** (trong giờ hành chính trừ thứ 7, chủ nhật).

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, địa chỉ: Số 01, đường Nguyễn Văn Huyền, tiểu khu III, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Điện thoại liên hệ: mọi phản ánh, thắc mắc, đề nghị liên hệ trực tiếp với Phòng Nội vụ huyện Yên Châu qua số điện thoại 0212.3840.147 trong giờ hành chính các ngày làm việc để được giải đáp và hướng dẫn.

- Thí sinh khi nộp Phiếu đăng ký dự tuyển nộp kèm 03 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận.

## **V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG**

**1. Hình thức tuyển dụng:** thông qua hình thức xét tuyển.

**2. Trình tự, thủ tục tuyển dụng và các nội dung liên quan đến xét tuyển viên chức**

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

**3. Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng như sau**

**a) Vòng 1:** Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Người dự tuyển có một trong các điều kiện sau thì được miễn sát hạch ngoại ngữ:

(1) Có chứng chỉ ngoại ngữ được cơ sở đào tạo cấp theo đúng quy định của pháp luật.

(2) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (*Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm*) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

(3) Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (*Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm*) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

(4) Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ.

(5) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số.

Trường hợp thí sinh không phải là người dân tộc thiểu số hoặc không có chứng chỉ ngoại ngữ, tiếng dân tộc phù hợp thì Hội đồng xét tuyển tổ chức sát hạch để đánh giá khả năng sử dụng ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng. Thí sinh đạt 50% yêu cầu bài sát hạch thì đủ điều kiện tham dự vòng 2;

#### **b) Vòng 2**

- Hình thức thi: Phỏng vấn (vấn đáp).

- Nội dung: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian: Phỏng vấn 30 phút (*thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian thi*).

- Thang điểm thi phỏng vấn: 100 điểm.

**4. Cách xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức:**  
Thực hiện theo quy định khoản 5 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ, cụ thể:

“(1). Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu tuyển dụng của vị trí việc làm.

(2). Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người trúng tuyển là người đạt kết quả thi phần thi kiến thức chung tại vòng 1 cao hơn (nếu có).

Trường hợp vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển.

(4). Người không được tuyển dụng trong kỳ thi tuyển viên chức quy định tại Điều này không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau”.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Văn phòng HĐND và UBND huyện (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện)**

- Niêm yết công khai Thông báo tuyển dụng tại trụ sở làm việc (*Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Yên Châu*).

- Hướng dẫn người đăng ký dự tuyển viết, kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức đầy đủ theo mẫu quy định; Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức sau khi người đăng ký dự tuyển đã điền đầy đủ, chính xác các thông tin.

- Đúng 17 giờ 30 phút hàng ngày chuyển Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức về phòng Nội vụ theo quy định.

### **2. Phòng Nội vụ**

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công khai thông báo tuyển dụng theo quy định.

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định.

### **3. Trung tâm Truyền thông - Văn hóa huyện**

- Công khai thông báo này trên hệ thống Truyền thanh - Truyền hình của huyện và các phương tiện truyền thông ít nhất trong 03 ngày liên tiếp kể từ ngày ban hành thông báo tuyển dụng.

- Đăng tải công khai các văn bản thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức năm 2024 và thông báo này trên Cổng thông tin điện tử của huyện đầy đủ kịp thời theo quy định.

### **4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Niêm yết công khai thông báo này tại trụ sở làm việc.

- Thông báo rộng rãi thông tin tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu năm 2024 tới nhân dân trên địa bàn quản lý.

### **5. Bru điện huyện Yên Châu**

Phối hợp với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện thực hiện dịch vụ bưu chính công ích trong việc trả kết quả tuyển dụng viên chức.

Trên đây là Thông báo tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu năm 2024./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ tỉnh Sơn La;
- Báo Sơn La;
- Đài PT&TH tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, NV, 80b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lù Văn Cường**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày.... tháng.... năm....

|                             |  |
|-----------------------------|--|
| (Ảnh 4x6)                   | <p><b>PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN</b></p> <p><b>Vị trí dự tuyển<sup>(1)</sup>: .....</b></p> <p><b>Đơn vị dự tuyển<sup>(2)</sup>: .....</b></p> |
| <b>I. THÔNG TIN CÁ NHÂN</b> |  |

|  |
|--|
| Họ và tên: .....   |
| Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam <sup>(3)</sup> <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/> |
| Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....   |
| Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....                             |
| Số điện thoại di động: ..... Email: .....  |
| Quê quán: .....  |
| Địa chỉ nhận thông báo: .....  |
| Thông tin về hộ khẩu (nếu có): .....   |
| Tình trạng sức khỏe: ..... Chiều cao: .....; Cân nặng: .....kg.                                      |
| Trình độ văn hóa: .....  |
| Trình độ chuyên môn: .....   |

**II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH<sup>(4)</sup>**

| Mối quan hệ | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội) |
|-------------|-----------|-----------------------|--|
|             |           |                       |  |
|             |           |                       |  |

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

### III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

| Tên trường,<br>cơ sở đào<br>tạo cấp | Ngày,<br>tháng,<br>năm cấp<br>văn bằng,<br>chứng chỉ | Trình độ<br>văn<br>bằng,<br>chứng<br>chỉ | Số hiệu<br>của văn<br>bằng,<br>chứng<br>chỉ | Chuyên<br>ngành đào<br>tạo (ghi<br>theo bảng<br>điểm) | Ngành<br>đào<br>tạo | Hình<br>thức<br>đào<br>tạo | Xếp loại<br>bằng,<br>chứng<br>chỉ |
|-------------------------------------|--|--|---|---|---------------------|----------------------------|-----------------------------------|
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |
|                                     |  |  |   |   |                     |                            |                                   |

### IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

| Từ ngày, tháng,<br>năm đến ngày,<br>tháng, năm | Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác |
|--|-----------------------------------|
|  |                                   |
|  |                                   |
|  |                                   |
|  |                                   |
|  |                                   |
|  |                                   |

### V. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

|   |
|---|
| <p><b>1. Nguyên vọng 1:</b></p> <p>- Vị trí việc làm dự tuyển <sup>(1)</sup>: .....</p> <p>- Đơn vị <sup>(2)</sup>: .....</p> |
| <p><b>2. Nguyên vọng 2</b> (Nếu thông báo tuyển dụng không có các vị trí việc làm được</p>                                    |

đăng ký 02 nguyện vọng thì thí sinh không điền phần này):

- Vị trí việc làm dự tuyển <sup>(1)</sup>: .....

- Đơn vị <sup>(2)</sup>: .....

**3. Đăng ký dự thi môn ngoại ngữ** (Đối với các vị trí việc làm tại thông báo tuyển dụng không yêu cầu ngoại ngữ thì thí sinh không điền phần này)

**3.1. Đăng ký dự thi ngoại ngữ <sup>(5)</sup>:**

Tiếng Anh  Tiếng Nga  Tiếng Pháp  Tiếng Đức  Tiếng Trung Quốc

Ngoại ngữ khác theo yêu cầu vị trí việc làm: .....

**3.2. Miễn thi ngoại ngữ do (nếu có):** .....

**4. Đối tượng ưu tiên (nếu có):** .....

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và cam kết hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi nhận được thông báo trúng tuyển.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

1. Ghi đúng tên vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Thông báo tuyển dụng;
2. Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký tuyển dụng đối với từng nguyện vọng theo đúng Thông báo tuyển dụng;
3. Tích dấu X vào ô tương ứng;
4. Cha, mẹ đẻ; vợ (chồng); con đẻ; anh, chị, em ruột;
5. Tích dấu X vào ô tương ứng.